

Số: /KH-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 5 năm 2026

## KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 05/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”**

Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về cập nhật bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 109/NQ-CP), Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 05/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 18-KL/TW (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 72-KH/TU), Chương trình hành động số 122/CTr-UBND ngày 09/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ, Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 13/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động số 06-CTr/ĐU ngày 18/3/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 122/CTr-UBND), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030, Nghị quyết số 109/NQ-CP, Kế hoạch số 72-KH/TU và Chương trình hành động số 122/CTr-UBND; bám sát các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại các văn bản của Trung ương và của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính ngân sách nhà nước, đầu tư công nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt “2 con số” trong giai đoạn 2026-2030, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Tạo sự thống nhất trong các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân

về tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; đổi mới cách thức quản lý công việc, tập trung quản trị mục tiêu để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số”. Gắn kết, bổ sung, bổ trợ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 109/NQ-CP và Kế hoạch số 72-KH/TU vào trong Chương trình hành động số 122/CTr-UBND.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, chủ động, sáng tạo, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả; xác định rõ trọng tâm, trọng điểm; phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, cá nhân, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện đảm bảo thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## II. MỤC TIÊU

1. Thực hiện 45 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra tại Chương trình hành động số 122/CTr-UBND, gồm 16 chỉ tiêu phát triển kinh tế, 17 chỉ tiêu phát triển xã hội, 09 chỉ tiêu về bảo vệ môi trường và 03 chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh.

2. Cập nhật, bổ sung 07 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra tại Kế hoạch số 72-KH/TU, gồm 05 chỉ tiêu phát triển kinh tế và 02 chỉ tiêu phát triển xã hội, cụ thể:

### a) Về phát triển kinh tế

(1) Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) bình quân giai đoạn 2026-2030 tăng 13-14%/năm;

(2) Hệ số ICOR giai đoạn 2026-2030 đạt 7;

(3) Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 13,5-14%/năm;

(4) Số lượt khách đến tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 đạt 10,5 triệu lượt; trong đó có 250 nghìn lượt khách quốc tế;

(5) Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đến năm 2030 đạt từ 37.458 doanh nghiệp.

### b) Về phát triển xã hội

(1) Trong giai đoạn 2026-2030, hằng năm đào tạo mới, đào tạo lại lao động cho 55.000 - 60.000 lao động/năm;

(2) Tỷ lệ lao động có kỹ năng số cơ bản năm 2030 đạt 100%; trong đó 20% số lao động có kỹ năng số nâng cao.

*(Chi tiết các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tại Phụ lục I kèm theo)*

### III. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Thực hiện theo kịch bản tăng trưởng kinh tế đề ra tại Chương trình hành động số 122/CTr-UBND.

### IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Tập trung đẩy mạnh thực hiện đầy đủ, hiệu quả 8 nhóm nhiệm vụ và giải pháp trên từng lĩnh vực và các chỉ tiêu đề ra tại Chương trình hành động số 122/CTr-UBND; đồng thời, triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đề ra tại Kế hoạch số 72-KH/TU, cụ thể:

#### 1. Nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030, nhất là 09 Nghị quyết đột phá của Bộ Chính trị<sup>1</sup>, các nhiệm vụ trọng tâm và 03 đột phá chiến lược tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, các Chương trình hành động, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Kết luận số 18-KL/TW, Kế hoạch số 72-KH/TU...; bám sát các nhiệm vụ đã đề ra để chỉ đạo thực hiện quyết liệt, linh hoạt và hiệu quả. Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử...; khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới như kinh tế biển, kinh tế chia sẻ... Huy động, khai thác tối đa, hiệu quả tiềm năng, lợi thế, vị trí địa lý thuận lợi và liên kết vùng, các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, công nghiệp, đô thị; tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy mọi nguồn lực, động lực hỗ trợ thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục hoàn thiện và vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ giảm nghèo, hỗ trợ cho các đơn vị hành chính xã lên phường, phân đấu đưa tỉnh Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2035.

- Rà soát, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực bảo đảm thống nhất với Quy hoạch tỉnh điều chỉnh đã được phê duyệt; lập quy

<sup>1</sup> Gồm: số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới”; số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam.

hoạch đô thị và nông thôn trên toàn tỉnh. Khẩn trương hoàn thiện Đề án thành lập Khu kinh tế tự do Hưng Yên để trình cấp có thẩm quyền xem xét, chấp thuận thành lập với cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội... Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư và hoạt động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, thành lập mới khu công nghiệp, cụm công nghiệp, giải ngân vốn đầu tư của các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tăng cường nắm bắt cơ sở để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án đang triển khai góp phần tăng năng lực sản xuất cho ngành công nghiệp. Rà soát, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án phát triển nhà ở, đặc biệt là các dự án quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới các chỉ tiêu phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh. Tập trung triển khai hiệu quả Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội; rà soát quỹ đất, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội được giao. Triển khai hiệu quả các giải pháp thúc đẩy sản xuất và cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; rà soát, bổ sung điều chỉnh cơ chế chính sách, tạo động lực mới và bố trí nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án, nhất là hạ tầng giao thông trọng điểm, có tính chất liên kết, kết nối vùng, hạ tầng khu đô thị, nhà ở... Tăng cường các giải pháp giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, chủ đầu tư; đảm bảo hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao. Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các công trình, dự án trọng điểm, có kế hoạch vốn lớn; kiên quyết không để chậm tiến độ triển khai dự án đầu tư công do thiếu mặt bằng. Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; chấn chỉnh tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định để thu hút nhà đầu tư dài hạn; ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực then chốt, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh - số, công nghiệp chế biến chế tạo, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hạ tầng logistics, các dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại khu vực đô thị, khu công nghiệp; đẩy nhanh thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, giao đất, giải phóng mặt bằng và triển khai dự án nhà ở nhằm đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho người lao động, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững... Tiếp tục đổi mới, cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường..., tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư. Thực hiện tốt công tác xúc tiến thương mại, khuyến công, khuyến thương và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường, kết nối cung cầu, gắn kết giữa sản xuất với phân phối và tiêu dùng. Thúc đẩy sản xuất, không để xảy ra

tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn cung các hàng hóa thiết yếu, tăng cường kiểm soát giá cả, bình ổn thị trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giá, không để găm hàng, đội giá; đẩy mạnh đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm; khai thác, tận dụng hiệu quả các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). Phát triển nhà ở xã hội góp phần ổn định lực lượng lao động, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, tạo động lực cho ngành xây dựng, vật liệu và các ngành dịch vụ liên quan.

- Phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng lĩnh vực văn hóa, xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế và phục vụ tốt đời sống tinh thần của Nhân dân. Nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, nhất là dịch vụ ăn uống, lưu trú, du lịch nội địa; tăng cường quảng bá, thu hút khách du lịch. Tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn mạng; triển khai hiệu quả Đề án 06. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công và quan tâm, chăm lo người nghèo, đối tượng yếu thế... Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn hóa, thể thao phục vụ tốt đời sống tinh thần của Nhân dân. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, hợp tác doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính. Khai thác hiệu quả tài sản công đang bị lãng phí và xử lý trụ sở công dôi dư sau sắp xếp, qua đó nâng cao tính chủ động, tự chủ và hiệu quả quản trị của bộ máy nhà nước. Thực hiện tốt tiếp dân, đối thoại, giải quyết kịp thời, dứt điểm khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở. Nâng cao hiệu quả phòng chống tham nhũng qua thanh tra, phối hợp giữa các cơ quan liên quan. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, quân sự địa phương; xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc; giữ vững ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ; mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao Nhân dân.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp về tài chính ngân sách nhà nước**

- Tăng cường quản lý thu ngân sách theo hướng chặt chẽ, hiệu quả, bền vững; phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách giao hằng năm và giai đoạn 2026-2030. Tập trung khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu, nghĩa vụ phải thực hiện với ngân sách nhà nước; tổ chức rà soát đầy đủ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, chống thất thu, chuyển giá và gian lận thuế. Cập nhật cơ chế mới trong quản lý nguồn thu được cấp có thẩm quyền ban hành, nhất là cơ chế điều tiết nguồn thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất; căn cứ tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách

địa phương theo quy định để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng hằng năm của ngân sách từng cấp chính quyền địa phương, nhất là cập nhật cơ chế mới về điều tiết nguồn thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu, nâng cao chất lượng công tác dự báo, phân tích nguồn thu; đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là chi đầu tư công, bảo đảm phân bổ và sử dụng vốn đúng mục tiêu, đúng quy định, tránh dàn trải, thất thoát, lãng phí. Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền phương án điều hành ngân sách hằng năm, trong đó đảm bảo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ chi và các chế độ, chính sách do Trung ương, tỉnh đã ban hành; ưu tiên nguồn cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm. Chủ động rà soát, tham mưu bố trí vốn tập trung cho các dự án trọng điểm, cấp bách, có khả năng hoàn thành trong kỳ kế hoạch; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn đối với các dự án chậm triển khai, giải ngân thấp, hiệu quả không cao. Tăng cường theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện. Đồng thời, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, công khai, minh bạch trong quản lý chi đầu tư công, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

### **3. Nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư công**

- Quán triệt, xác định đầu tư công là nguồn lực, động lực tăng trưởng quan trọng, dẫn dắt đầu tư tư nhân để tạo đột phá về tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 và từng bước hoàn thiện hạ tầng kinh tế, xã hội, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng số. Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 27/2026/QH16 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, trong đó tập trung đầu tư trọng tâm, trọng điểm, rà soát cắt giảm khoảng 30% tổng số lượng dự án so với giai đoạn 2021-2025 để tập trung dành nguồn lực đầu tư hiệu quả các công trình, dự án trọng điểm, quy mô lớn, kết nối vùng, liên kết tỉnh, kết nối các trục giao thông chính tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Phân đấu tỷ lệ giải ngân được giao hàng năm đạt 100%. Theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai thực hiện các dự án trong kế hoạch đầu tư công hằng năm của tỉnh (bao gồm cả các dự án nguồn sử dụng nguồn vốn cấp tỉnh giao cấp xã làm chủ đầu tư). Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thống nhất xây dựng kế

hoạch triển khai, đường găng tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn của từng dự án; thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình triển khai các dự án được giao kế hoạch vốn, đảm bảo tiến độ triển khai và giải ngân hết số vốn được giao của từng dự án, không để xảy ra tình trạng dự án dở dang, thực hiện cầm chừng, không giải ngân hết số vốn được giao do các nguyên nhân chủ quan; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong quá trình thực hiện, đảm bảo tiến độ triển khai và mục tiêu giải ngân của các dự án; kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện việc điều chuyển kế hoạch vốn của các công trình, dự án có tiến độ thực hiện chậm, khả năng giải ngân, hấp thụ vốn thấp để bố trí cho các công trình, dự án có tiến độ, khối lượng triển khai thực hiện tốt, có khả năng hấp thụ thêm kế hoạch vốn trong năm; đảm bảo không ảnh hưởng tới tiến độ, mục tiêu giải ngân chung của toàn tỉnh.

- Chủ động rà soát, sắp xếp toàn bộ danh mục dự án đầu tư công cấp tỉnh, cấp xã theo hướng tập trung, rút gọn, không dàn trải, triển khai dứt điểm, phát huy hiệu quả ngay sau đầu tư. Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn cho các dự án dự kiến khởi công mới hằng năm và giai đoạn 2026-2030 theo quy định. Khẩn trương rà soát, tổng hợp, đánh giá, đề xuất phương án xử lý, giải quyết đối với các dự án đầu tư công chậm tiến độ, các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến nay chưa triển khai. Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện từng dự án đầu tư công, tiến độ giải ngân và khối lượng thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo quy định.

*(Chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tại Phụ lục II kèm theo)*

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai các nhiệm vụ, giải pháp và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Chương trình hành động số 122/CTr-UBND và Kế hoạch hành động này theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung đề ra tại Chương trình hành động số 122/CTr-UBND và Kế hoạch hành động này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm xây dựng, lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch hành động hằng năm, giai đoạn của đơn vị mình để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, nhất là đối với các dự án, công trình trọng điểm. Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Chương trình hành động số 122/CTr-UBND, Kế hoạch hành động này và đề xuất, kiến nghị (nếu có) gửi Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước **ngày 25/6 và 25/12 hàng năm**, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Tài chính chủ trì, đơn đốc, tổng hợp báo cáo của các sở, ban, ngành, địa phương về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động số 122/CTr-UBND và Kế hoạch hành động này; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

3. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên, các cơ quan thông tấn, báo chí và các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh tổ chức thông tin, phổ biến, tuyên truyền Chương trình hành động số 122/CTr-UBND và Kế hoạch hành động này.

4. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể chính trị xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp tăng cường công tác tuyên truyền vận động và phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng thực hiện Chương trình hành động số 122/CTr-UBND và Kế hoạch hành động này.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện Chương trình hành động số 122/CTr-UBND và Kế hoạch hành động này; kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt Trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Lê Huy**